ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP NĂM HỌC 2026-2027

MÔN TIN HỌC LỚP 11

PHẦN I: Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 28. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Khi kết hợp các cổng logic cơ bản để tạo thành các mạch logic sẽ thực hiện được bao nhiêu phép toán nhị phân?

A. Một phép toán. **B.** Hai phép toán.
C. Tất cả các phép toán nhị phân. **D.** Không thực hiện được phép toán nào.

Câu 2. Cho dòng chữ: i5, 11400 H2 2.7GHz Thông số 2.7GHz thể hiện điều gì?

A. Tốc độ lưu trữ của bộ nhớ. **B.** Tốc độ xử lý dữ liệu của bộ xử lý.
C. Khả năng lưu trữ bộ nhớ trong. **D.** Số nhân của CPU.

Câu 3. Máy tính có ổ cứng SSD gắn sẵn trong máy tính có dung lượng 128 GB, dung lượng ổ cứng HDD gắn sẵn trong máy là 250 GB, RAM có dung lượng 8 GB. Vậy dung lượng lưu trữ của máy tính là:

A. 128 GB. **B.** 250 GB. **C.** 378 GB. **D.** 386 GB.

Câu 4. Trước khi sử dụng một thiết bị mới, em cần đọc kỹ và thực hiện theo:

A. Tài liệu hướng dẫn sử dụng. **B.** Thông số ghi trên thiết bị.
C. Không cần đọc thông tin. **D.** Tài liệu thiết kế thiết bị.

Câu 5. Nói Camera có độ phân giải 12 megapixel nghĩa là:

A. Số lượng điểm ảnh theo chiều ngang và chiều dọc.
B. Số điểm ảnh của hình ảnh.
C. Số điểm ảnh trên một inch.
D. Tất cả đều sai.

Câu 6. RAM có dung lượng 8 GB, nói lên điều gì?

A. Khả năng lưu trữ dữ liệu là 8 GB.
B. Khả năng truyền dữ liệu là 8 GB/1s.
C. Khả năng lưu trữ dữ liệu đang xử lý và chương trình đang hoạt động tại mỗi thời điểm là 8 GB.
D. Tốc độ tải dữ liệu là 8 GB.

Câu 7. Cho các hệ điều hành sau:

1. Windows.
2. Android.
3. Linux.
4. iOS.
5. MacOS.

Số hệ điều hành dành cho điện thoại thông minh là:

A. 1. **B.** 2. **C.** 3. **D.** 4.

Câu 8. Điền vào chỗ (…….)

"… làm trung gian giữa người dùng máy tính với các phần mềm ứng dụng".

A. CPU. **B.** RAM. **C.** Ổ đĩa cứng. **D.** Hệ điều hành.

Câu 9. Tổ hợp phím nào sau đây dùng để chuyển cửa sổ đang hoạt động?

A. Win + D. **B.** Win + H. **C.** Alt + Tab. **D.** Win + W.

Câu 10. Cổng HDMI dùng để kết nối thiết bị nào với máy tính?

A. Loa và tai nghe. **B.** Chuột, bàn phím, điện thoại.
C. Màn hình, máy chiếu. **D.** Nguồn điện.

Câu 11. Có mấy bước để kết nối máy tính với điện thoại thông minh và sao chép một số dữ liệu từ điện thoại sang máy tính?

A. 2. **B.** 3. **C.** 4. **D.** 1.

Câu 12. Để hiển thị các mục trên màn hình và cá nhân hóa trong hệ điều hành Windows, sau khi vào mục Control Panel thì chọn mục:

A. Easy of Access. **B.** Clock and Region.
C. Appearance and Personalization. **D.** System.

Câu 13. Phát biểu nào sau đây là sai?

A. Phần mềm ứng dụng được cài đặt sau khi máy tính đã cài đặt hệ điều hành.
B. Hệ điều hành được tự động chạy khi bật máy tính.
C. Phần cứng máy tính có thể hoạt động khi chưa có hệ điều hành.
D. Hệ điều hành đóng vai trò trung gian giữa phần cứng và phần mềm ứng dụng.

Câu 14. Phần mềm nào sau đây là phần mềm mã nguồn mở:
A. Micosoft Word. **B.** Python. **C.** Unikey. **D.** Windows.

Câu 15. Phần mềm nào là phần mềm trực tuyến của Google cho phép thiết kế các trang trình chiếu?
A. Google Docs. **B.** Google Sheets. **C.** Google Slide. **D.** Powerpoint.

Câu 16. Lệnh nào cho phép nhập nội dung soạn thảo bằng giọng nói trong Google Docs?

A. 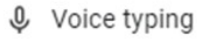

B. 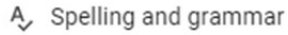

C.

D.

Câu 17. Những nhà cung cấp dịch vụ lưu trữ trực tuyến như?
A. Tất cả đều đúng. **B.** Google Drive. **C.** One Drive. **D.** iCloud và Dropbox.

Câu 18. Để tải dữ liệu từ trên Google Drive về máy, sau khi chọn tệp và thư mục, nháy chuột phải và chọn:

A.

B.

C.

D.

Câu 19. Người được chia sẻ tệp hoặc thư mục trên Google Drive có thể có quyền nào cao nhất?
A. Xem dữ liệu. **B.** Được bình luận. **C.** Được sửa dữ liệu. **D.** Được xóa dữ liệu.

Câu 20. Để tìm kiếm văn bản pdf về Bộ quy tắc ứng xử trên mạng xã hội, từ khóa nào có hiệu quả tìm kiếm cao hơn.
A. Bộ Quy tắc ứng xử trên mạng xã hội.pdf. **B.** "Bộ Quy tắc ứng xử trên mạng xã hội" .
C. "Bộ quy tắc ứng xử trên mạng xã hội" + pdf. **D.** Bộ quy tắc ứng xử + pdf.

Câu 21. Để tìm kiếm thông tin bằng giọng nói, máy tính cần có:
A. Loa. **B.** Mic. **C.** Camera. **D.** Tai nghe.

Câu 22. Máy tìm kiếm trên Google chưa cung cấp cách tìm kiếm bằng cách nào?
A. Hình ảnh. **B.** Giọng nói. **C.** Từ khóa. **D.** Cử chỉ.

Câu 23. Mạng xã hội là:
A. Mạng xã hội là một ứng dụng giúp kết nối mọi người ở bất cứ đâu, là bất kỳ ai thông qua dịch vụ internet, giúp người dùng có thể chia sẻ những sở thích và trao đổi những thông tin cần thiết với nhau.
B. Hệ điều hành windows.
C. Phần mềm Zoom.
D. Tất cả các ứng dụng trên web.

Câu 24. Học sinh chỉ nên chia sẻ những gì trên mạng xã hội?
A. Quan điểm, ý kiến cá nhân về 1 vấn đề nào đó.
B. Thông tin cá nhân.
C. Những lời lẽ miệt thị, xúc phạm người khác.
D. Điều bức xúc, khó chịu về người này người kia hay 1 hiện tượng nào đó.

Câu 25. CPU là gì
A. Trung tâm điều khiển máy tính. **B.** Bộ xử lý trung tâm của máy tính.
C. Bộ điều khiển máy tính. **D.** Hệ điều hành.

Câu 26. CPU làm nhiệm vụ gì
A. Là thiết bị thực hiện các chương trình tính toán.
B. Là thiết bị chính thực hiện và điều khiển việc thực hiện các chương trình.
C. Là thân máy tính, chứa các thiết bị phần cứng bên trong nó.
D. Là toàn bộ máy tính.

Câu 27. Cho biểu thức logic A AND B và A OR **B.** Với A=0 và B=0, giá trị của 2 biểu thức logic lần lượt là:
A. 0; 0. **B.** 0; 1. **C.** 1; 0. **D.** 1; 1.

Câu 28. Bảng mạch chính có vai trò gì? Chọn đáp án đúng nhất?

A. Để bảo vệ các thiết bị bên trong máy tính.
B. Để lưu trữ chương trình.
C. Chứa khe cắm RAM.
D. Làm nền tảng giao tiếp giữa CPU, RAM và các linh kiện khác.

Câu 29. Khi dùng điện thoại thông minh chụp ảnh, các file ảnh này có chuyển đến một điện thoại thông minh khác được không?
A. Chuyển được khi điện thoại mất kết nối. **B.** Không chuyển được.
C. Chuyển được khi điện thoại có kết nối. **D.** Chuyển được mọi lúc.

Câu 30. Thiết bị nào sau đây là thiết bị thông minh?
(1) Đồng hồ vạn lịch niên (2) Điện thoại di động (3) Camera kết nối Internet (4) Máy ảnh số
A. (1) (2). **B.** (3) (4). **C.** (1) (4) . **D.** (2) (3) .

Câu 31. Đâu không phải là thiết bị thông minh?
A. Đồng hồ vạn niên.
B. Máy tính bảng.
C. Đồng hồ kết nối với điện thoại thông qua bluetooth.
D. Máy tính xách tay.

Câu 32. Hệ điều hành Windows được phát triển bởi công ty nào?
A. Apple. **B.** Microsoft. **C.** Google. **D.** IBM.

Câu 33. Hệ điều hành là gì trong một hệ thống máy tính?
A. Bộ vi xử lý. **B.** Phần mềm điều khiển phần cứng.
C. Ứng dụng. **D.** Thiết bị ngoại vi.

Câu 34. Để thực hiện các chức năng của một ứng dụng, hệ điều hành cung cấp cho nó các tài nguyên như:
A. Bộ nhớ, xử lý, thiết bị ngoại vi.
B. Giao diện người dùng, ổ cứng, trình duyệt web.
C. Trình biên dịch, công cụ phân tích, bộ nhớ tạm.
D. Bộ vi xử lý, phần mềm điều khiển phần cứng, hệ thống file.

Câu 35. Phần cứng, hệ điều hành và phần mềm ứng dụng đóng vai trò quan trọng trong một hệ thống máy tính. Mối quan hệ giữa chúng có thể được mô tả như thế nào?
A. Phần cứng là nền tảng vật lý, hệ điều hành là lớp trung gian và phần mềm ứng dụng là các chương trình chạy trên đó.
B. Phần cứng là giao diện người dùng, hệ điều hành là nền tảng và phần mềm ứng dụng là các chương trình chạy trên đó.
C. Phần cứng và phần mềm ứng dụng là các thành phần của hệ điều hành.
D. Phần cứng, hệ điều hành và phần mềm ứng dụng là các thành phần riêng biệt không liên quan đến nhau.

Câu 36. Phần mềm khai thác trực tuyến chỉ sử dụng được trên môi trường nào?
A. Máy tính cá nhân. **B.** Máy tính laptop. **C.** Môi trường Web. **D.** Điện thoại di động.

Câu 37. Phần mềm thương mại thường là loại phần mềm nào?
A. Phần mềm nguồn đóng. **B.** Phần mềm nguồn mở.
C. Phần mềm miễn phí. **D.** Phần mềm khai thác trực tuyến.

Câu 38. Phần mềm khai thác trực tuyến có phí có tính năng nào?
A. Không bị hạn chế tính năng. **B.** Bị hạn chế một số tính năng.
C. Tự do sử dụng. **D.** Không có tính năng nào.

Câu 39. Phần mềm miễn phí thường được sử dụng cho mục đích nào?
A. Học tập. **B.** Kinh doanh. **C.** Thương mại. **D.** Ngân hàng.

Câu 40. Google Slides là công cụ nào?
A. Trình chiếu. **B.** Soạn thảo văn bản. **C.** Đồ họa. **D.** Bảng tính.

Câu 41. Lưu trữ trực tuyến là gì?
A. Lưu trữ dữ liệu trên một thiết bị lưu trữ ngoại vi.
B. Lưu trữ dữ liệu trên đám mây.
C. Lưu trữ dữ liệu trên ổ đĩa cứng.

D. Lưu trữ dữ liệu trên USB.

Câu 42. Dịch vụ lưu trữ trực tuyến nào được sử dụng phổ biến nhất?

A. Google Drive. **B.** Dropbox. **C.** OneDrive. **D.** iCloud.

Câu 43. Lưu trữ trực tuyến có nhược điểm gì?

A. Tốc độ truy cập chậm hơn so với lưu trữ ngoại vi.

B. Dữ liệu dễ bị mất hoặc bị xâm nhập.

C. Giá cả đắt đỏ.

D. Không thể lưu trữ tệp có kích thước lớn.

Câu 44. Tính năng chia sẻ tệp là gì?

A. Cho phép người dùng lưu trữ tệp trên đám mây.

B. Cho phép người dùng gửi tệp đến người khác để xem hoặc chỉnh sửa.

C. Cho phép người dùng tải xuống tệp từ đám mây.

D. Cho phép người dùng tạo bản sao lưu tệp trong trường hợp tệp gốc bị mất.

Câu 45. Để tìm kiếm thông tin trên Internet, em sử dụng:

A. Gmail. **B.** Cloud. **C.** Google. **D.** Python.

Câu 46. Hiện nay, máy tìm kiếm google chiếm:

A. 50% lượng người dùng trên thế giới. **B.** 68% lượng người dùng trên thế giới.

C. 85% lượng người dùng trên thế giới. **D.** 92% lượng người dùng trên thế giới.

Câu 47. Khẳng định nào sau đây là sai khi nói về mạng xã hội?

A. Mạng xã hội là để kết nối các thành viên để trao đổi và chia sẻ thông tin, không phân biệt không gian và thời gian.

B. Các thành viên trong một mạng xã hội có thể trò chuyện trực tiếp, kết nối với nhau.

C. Mạng xã hội là ứng dụng trên internet.

D. Mạng xã hội chỉ mang lại lợi ích chứ không có tác hại gì.

Câu 48. Đánh dấu một email là "Quan trọng" có ý nghĩa gì?

A. Email đó đã được gửi đi thành công. **B.** Email đó cần được lưu trữ lâu dài.

C. Email đó cần được xử lý ưu tiên. **D.** Email đó là quảng cáo hoặc thư rác.

Câu 49. Em mới quen được một bạn trên mạng, bạn đó muốn nhờ em chia sẻ giúp bạn một video bạo lực. Em sẽ làm gì?

A. Chia sẻ giúp bạn.

B. Không chia sẻ và nói với bạn không nên làm vậy.

C. Không chia sẻ công khai nhưng sẽ gửi cho từng người trong danh sách bạn bè của em.

D. Chỉ chia sẻ trong những nhóm kín.

Câu 50. Hành động nào sau đây là đúng?

A. Luôn chấp nhận lời mời kết bạn của người lạ.

B. Nói với bố mẹ và thầy cô về việc em bị đe dọa qua mạng.

C. Chia sẻ cho các bạn những video bạo lực.

D. Đăng thông tin không đúng về một người bạn cùng lớp lên mạng xã hội.

Câu 51. Bạn của em nói cho em biết một số thông tin riêng tư không tốt về một bạn khác cùng lớp. Em nên làm gì?

A. Đăng thông tin đó lên mạng để mọi người đều đọc được.

B. Đăng thông tin đó lên mạng nhưng giới hạn chỉ để bạn bè đọc được.

C. Đi hỏi thêm thông tin, nếu đúng thì sẽ đăng lên mạng cho mọi người biết.

D. Bỏ qua không để ý vì thông tin đó có thể không đúng, nếu đúng thì cũng không nên xâm phạm vào những thông tin riêng tư của bạn.

Câu 52. Em thường xuyên nhận được các tin nhắn trên mạng có nội dung như: "mày là một đứa ngu ngốc, béo ú", "mày là một đứa xấu xa, không đáng làm bạn",… từ một người lớn mà em quen. Em nên làm gì?

A. Nói chuyện với thầy cô giáo, bố mẹ về sự việc để xin ý kiến giải quyết.

B. Bỏ qua, chắc họ chỉ trêu thôi.

C. Nhắn tin lại cho người đó các nội dung tương tự.

D. Gặp thẳng người đó hỏi tại sao lại làm thế và yêu cầu dừng ngay.

II. PHẦN TỰ LUẬN

Câu 1. Hệ điều hành có phải là phần mềm duy nhất trong máy tính, máy tính bảng hoặc điện thoại thông minh không? Vì sao?

Câu 2. Lợi ích chính của việc lưu trữ trực tuyến là gì?

Câu 3. Em thường sử dụng mạng xã hội để làm gì gì? Em hãy kể ra một tình huống mà người giao tiếp trên mạng xã hội không lịch sự gây ra hậu quả xấu.

Câu 4: Em hãy nêu một số dấu hiệu lừa đảo qua mạng và lời khuyên phòng ngừa?

Câu 5: Nêu một số nguyên tắc về ứng xử trên mạng?

……. Hết ……

BẢNG ĐÁP ÁN THAM KHẢO

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1	C	19	C	37	A
2	B	20	C	38	A
3	C	21	B	39	A
4	A	22	D	40	A
5	B	23	A	41	B
6	C	24	A	42	A
7	B	25	B	43	A
8	D	26	B	44	B
9	C	27	A	45	C
10	C	28	D	46	**D**
11	**B**	29	C	47	D
12	C	30	D	48	C
13	**C**	31	A	49	B
14	**B/C**	32	B	50	B
15	C	33	B	51	D
16	A	34	A	52	A
17	A	35	A		
18	B	36	C		

GIẢI CHI TIẾT THAM KHẢO

Câu 1. Khi kết hợp các cổng logic cơ bản để tạo thành các mạch logic sẽ thực hiện được bao nhiêu phép toán nhị phân?

A. Một phép toán. **B.** Hai phép toán.

C. Tất cả các phép toán nhị phân. **D.** Không thực hiện được phép toán nào.

Đáp án: C. Giải thích: Kết hợp các cổng logic AND, OR, NOT có thể tạo ra các mạch biểu diễn bất kì hàm logic Boole của các biến nhị phân. Vì vậy không chỉ thực hiện được một hay hai phép toán.

Câu 2. Cho dòng chữ: i5, 11400 H2 2.7GHz Thông số 2.7GHz thể hiện điều gì?

A. Tốc độ lưu trữ của bộ nhớ. **B.** Tốc độ xử lý dữ liệu của bộ xử lý.

C. Khả năng lưu trữ bộ nhớ trong. **D.** Số nhân của CPU.

Đáp án: B. Giải thích: 2,7 GHz là tần số xung nhịp của CPU, tương đương khoảng 2,7 tỉ chu kì xung nhịp mỗi giây. Đây là một thông số liên quan đến năng lực xử lí, không phải dung lượng RAM, tốc độ lưu trữ hay số nhân. Tốc độ thực tế còn phụ thuộc kiến trúc và các yếu tố khác.

Câu 3. Máy tính có ổ cứng SSD gắn sẵn trong máy tính có dung lượng 128 GB, dung lượng ổ cứng HDD gắn sẵn trong máy là 250 GB, RAM có dung lượng 8 GB. Vậy dung lượng lưu trữ của máy tính là:

A. 128 GB. **B.** 250 GB. **C.** 378 GB. **D.** 386 GB.

Đáp án: C. Giải thích: Dung lượng lưu trữ của các ổ đĩa là 128 + 250 = 378 GB. RAM 8 GB là bộ nhớ làm việc tạm thời, không cộng vào dung lượng lưu trữ lâu dài của SSD và HDD.

Câu 4. Trước khi sử dụng một thiết bị mới, em cần đọc kỹ và thực hiện theo:

A. Tài liệu hướng dẫn sử dụng. **B.** Thông số ghi trên thiết bị.

C. Không cần đọc thông tin. **D.** Tài liệu thiết kế thiết bị.

Đáp án: A. Giải thích: Tài liệu hướng dẫn sử dụng nêu cách lắp đặt, kết nối, vận hành và những lưu ý an toàn. Chỉ xem thông số kĩ thuật chưa đủ để biết cách dùng thiết bị đúng cách.

Câu 5. Nói Camera có độ phân giải 12 megapixel nghĩa là:

A. Số lượng điểm ảnh theo chiều ngang và chiều dọc. **B.** Số điểm ảnh của hình ảnh.

C. Số điểm ảnh trên một inch. **D.** Tất cả đều sai.

Đáp án: B. Giải thích: 12 megapixel (12 MP) nghĩa là hình ảnh có khoảng 12 triệu điểm ảnh. Đây là tổng số điểm ảnh tạo nên ảnh, không phải số điểm ảnh trên mỗi inch hay riêng số điểm ảnh chiều ngang, chiều dọc.

Câu 6. RAM có dung lượng 8 GB, nói lên điều gì?

A. Khả năng lưu trữ dữ liệu là 8 GB.

B. Khả năng truyền dữ liệu là 8 GB/1s.

C. Khả năng lưu trữ dữ liệu đang xử lý và chương trình đang hoạt động tại mỗi thời điểm là 8 GB.

D. Tốc độ tải dữ liệu là 8 GB.

Đáp án: C. Giải thích: RAM 8 GB cho biết dung lượng bộ nhớ truy cập ngẫu nhiên dùng để lưu dữ liệu đang xử lí và chương trình đang hoạt động. RAM không phải tốc độ truyền/tải dữ liệu; phần lớn dữ liệu trong RAM mất khi tắt nguồn.

Câu 7. Cho các hệ điều hành sau: 1. Windows. 2. Android. 3. Linux. 4. iOS. 5. MacOS. Số hệ điều hành dành cho điện thoại thông minh là:

A. 1. **B.** 2. **C.** 3. **D.** 4.

Đáp án: B. Giải thích: Trong danh sách này, Android và iOS là hai hệ điều hành tiêu biểu dành cho điện thoại thông minh. Windows, Linux, macOS được hiểu là các hệ điều hành phổ biến cho máy tính trong ngữ cảnh của đề.

Lưu ý: Một số hệ điều hành/biến thể khác có thể chạy trên điện thoại, nhưng không phải cách phân loại mà đề đang sử dụng.

Câu 8. Điền vào chỗ (…….) "… làm trung gian giữa người dùng máy tính với các phần mềm ứng dụng".

A. CPU. **B.** RAM. **C.** Ổ đĩa cứng. **D.** Hệ điều hành.

Đáp án: D. Giải thích: Hệ điều hành cung cấp giao diện, quản lí tài nguyên và tạo môi trường để các phần mềm ứng dụng hoạt động; từ đó đóng vai trò trung gian giữa người dùng, ứng dụng và phần cứng.

Câu 9. Tổ hợp phím nào sau đây dùng để chuyển cửa sổ đang hoạt động?

A. Win + D. **B.** Win + H. **C.** Alt + Tab. **D.** Win + W.

Đáp án: C. Giải thích: Alt + Tab cho phép chuyển nhanh giữa các cửa sổ ứng dụng đang mở. Win + D hiển thị màn hình nền; các tổ hợp còn lại không có chức năng chuyển cửa sổ như Alt + Tab.

Câu 10. Cổng HDMI dùng để kết nối thiết bị nào với máy tính?

A. Loa và tai nghe. **B.** Chuột, bàn phím, điện thoại.

C. Màn hình, máy chiếu. **D.** Nguồn điện.

Đáp án: C. Giải thích: HDMI truyền tín hiệu hình ảnh và âm thanh số, thường dùng kết nối máy tính với màn hình, tivi hoặc máy chiếu. Các lựa chọn chuột, bàn phím hay nguồn điện không phù hợp.

Câu 11. Có mấy bước để kết nối máy tính với điện thoại thông minh và sao chép một số dữ liệu từ điện thoại sang máy tính?

A. 2. **B.** 3. **C.** 4. **D.** 1.

Đáp án: B*. Giải thích: Theo quy trình kết nối bằng cáp USB: (1) nối điện thoại với máy tính bằng cáp USB; (2) trên điện thoại chọn chế độ truyền tệp; (3) truy cập bộ nhớ điện thoại từ máy tính rồi sao chép dữ liệu. Có ba bước.

Lưu ý: Đề không nói rõ phương thức kết nối. Nếu làm theo quy trình Bluetooth trong một số sách Tin học 11 thì có bốn bước (đáp án C). Vì thế đề cần bổ sung "qua cáp USB" để chỉ có một đáp án.

Câu 12. Để hiển thị các mục trên màn hình và cá nhân hóa trong hệ điều hành Windows, sau khi vào mục Control Panel thì chọn mục:

A. Easy of Access. **B.** Clock and Region.

C. Appearance and Personalization. **D.** System.

Đáp án: C. Giải thích: Trong Control Panel, mục Appearance and Personalization dùng tùy chỉnh giao diện và cá nhân hóa màn hình. Clock and Region dành cho thời gian/khu vực; System dành cho thông tin và cài đặt hệ thống.

Câu 13. Phát biểu nào sau đây là sai?

A. Phần mềm ứng dụng được cài đặt sau khi máy tính đã cài đặt hệ điều hành.

B. Hệ điều hành được tự động chạy khi bật máy tính.

C. Phần cứng máy tính có thể hoạt động khi chưa có hệ điều hành.

D. Hệ điều hành đóng vai trò trung gian giữa phần cứng và phần mềm ứng dụng.

Đáp án: C*. Giải thích: Theo cách diễn đạt phổ thông của đề, máy tính cần hệ điều hành để quản lí tài nguyên và chạy các phần mềm ứng dụng thông thường, vì vậy người ra đề có thể dự định chọn C là phát biểu sai.

Lưu ý: Diễn đạt C chưa chặt chẽ: phần cứng vẫn có thể được cấp điện, thực thi firmware BIOS/UEFI hoặc thực hiện một số chức năng mà không có hệ điều hành. A cũng không tuyệt đối đúng trong mọi trường hợp. Nên sửa thành "Người dùng có thể sử dụng đầy đủ các ứng dụng máy tính thông thường mà không cần hệ điều hành".

Câu 14. Phần mềm nào sau đây là phần mềm mã nguồn mở:

A. Micosoft Word. **B.** Python.

C. Unikey. **D.** Windows

Đáp án: B/C*. Giải thích: Python là ngôn ngữ lập trình và hệ sinh thái phần mềm mã nguồn mở. UniKey cũng có phần lõi gõ tiếng Việt được phát hành mã nguồn theo giấy phép GNU GPL; tác giả đã

công bố mã nguồn của một phiên bản UniKey cho Windows. Word và Windows là phần mềm thương mại nguồn đóng.

Lưu ý: Đây là câu chưa bảo đảm một đáp án duy nhất: B đúng; C cũng có căn cứ đúng. Nếu giáo viên chỉ coi Python là ví dụ quen thuộc thì có thể dự kiến B, nhưng cần chỉnh lại lựa chọn C.

Câu 15. Phần mềm nào là phần mềm trực tuyến của Google cho phép thiết kế các trang trình chiếu?

A. Google Docs. **B.** Google Sheets.

C. Google Slide. **D.** Powerpoint.

Đáp án: C. Giải thích: Google Slides (đề viết "Google Slide") là ứng dụng tạo, sửa và trình chiếu trang thuyết trình trực tuyến. Google Docs soạn văn bản; Sheets làm bảng tính; PowerPoint thuộc Microsoft.

Câu 16. Lệnh nào cho phép nhập nội dung soạn thảo bằng giọng nói trong Google Docs?

A. Voice typing (Nhập bằng giọng nói) **B.** Spelling and grammar (Kiểm tra chính tả/ngữ pháp)

C. Notification settings (Cài đặt thông báo) **D.** Word count (Đếm từ)

Đáp án: A. Giải thích: Lệnh Voice typing (Nhập bằng giọng nói) cho phép Google Docs chuyển lời nói từ micro thành văn bản. Spelling and grammar kiểm tra chính tả/ngữ pháp; Notification settings quản lí thông báo; Word count đếm từ.

Lưu ý: Các phương án trong đề gốc được thể hiện bằng hình ảnh: A = Voice typing; B = Spelling and grammar; C = Notification settings; D = Word count.

Câu 17. Những nhà cung cấp dịch vụ lưu trữ trực tuyến như?

A. Tất cả đều đúng. **B.** Google Drive.

C. One Drive. **D.** iCloud và Dropbox.

Đáp án: A. Giải thích: Google Drive, OneDrive, iCloud và Dropbox đều cung cấp dịch vụ lưu trữ tệp trên Internet (đám mây). Vì vậy cả B, C và D đều là những ví dụ đúng, chọn "Tất cả đều đúng".

Câu 18. Để tải dữ liệu từ trên Google Drive về máy, sau khi chọn tệp và thư mục, nháy chuột phải và chọn:

A. Share (Chia sẻ) **B.** Download (Tải xuống)

C. File upload (Tải tệp lên) **D.** Folder upload (Tải thư mục lên)

Đáp án: B. Giải thích: Trong Google Drive, nháy chuột phải vào tệp/thư mục rồi chọn Download (Tải xuống) để nhận dữ liệu về máy. Share là chia sẻ; File upload và Folder upload là tải dữ liệu từ máy lên Drive.

Lưu ý: Hình đáp án: A = Share; B = Download; C = File upload; D = Folder upload.

Câu 19. Người được chia sẻ tệp hoặc thư mục trên Google Drive có thể có quyền nào cao nhất?

A. Xem dữ liệu. **B.** Được bình luận.

C. Được sửa dữ liệu. **D.** Được xóa dữ liệu.

Đáp án: C. Giải thích: Ba vai trò chia sẻ phổ biến trong Google Drive là Người xem (Viewer), Người nhận xét (Commenter) và Người chỉnh sửa (Editor). Quyền chỉnh sửa là cấp quyền cao nhất trong ba vai trò này.

Lưu ý: Xóa tệp không phải tên một vai trò chia sẻ độc lập; quyền xóa thật sự còn phụ thuộc quyền sở hữu, vị trí tệp và cấu hình Drive.

Câu 20. Để tìm kiếm văn bản pdf về Bộ quy tắc ứng xử trên mạng xã hội, từ khóa nào có hiệu quả tìm kiếm cao hơn.

A. Bộ Quy tắc ứng xử trên mạng xã hội.pdf. **B.** "Bộ Quy tắc ứng xử trên mạng xã hội"

C. "Bộ quy tắc ứng xử trên mạng xã hội" + pdf. **D.** Bộ quy tắc ứng xử + pdf.

Đáp án: C. Giải thích: Đặt cụm từ cần tìm trong dấu ngoặc kép giúp thu hẹp kết quả đến đúng tên văn bản; thêm pdf thể hiện loại tài liệu muốn tìm. C vừa nêu tên cụ thể vừa nêu định dạng tệp.

Lưu ý: Tìm kiếm chính xác hơn có thể dùng cú pháp: "Bộ quy tắc ứng xử trên mạng xã hội" filetype:pdf.

Câu 21. Để tìm kiếm thông tin bằng giọng nói, máy tính cần có:

A. Loa. **B.** Mic. **C.** Camera. **D.** Tai nghe.

Đáp án: B. Giải thích: Để tìm kiếm bằng giọng nói, máy tính cần có micro (mic) để thu âm. Loa và tai nghe chủ yếu phục vụ phát âm thanh, camera thu hình ảnh.

Câu 22. Máy tìm kiếm trên Google chưa cung cấp cách tìm kiếm bằng cách nào?

A. Hình ảnh. **B.** Giọng nói. **C.** Từ khóa. **D.** Cử chỉ.

Đáp án: D. Giải thích: Google hỗ trợ tìm kiếm bằng từ khóa, giọng nói và hình ảnh. "Tìm kiếm bằng cử chỉ" không phải một chế độ tìm kiếm thông dụng được Google cung cấp trực tiếp trong các phương án của đề.

Câu 23. Mạng xã hội là:

A. Mạng xã hội là một ứng dụng giúp kết nối mọi người ở bất cứ đâu, là bất kỳ ai thông qua dịch vụ internet, giúp người dùng có thể chia sẻ những sở thích và trao đổi những thông tin cần thiết với nhau.

B. Hệ điều hành windows.

C. Phần mềm Zoom.

D. Tất cả các ứng dụng trên web.

Đáp án: A. Giải thích: Mạng xã hội là dịch vụ trên Internet cho phép tạo kết nối, trao đổi thông tin và chia sẻ nội dung giữa người dùng. Windows là hệ điều hành; Zoom là ứng dụng họp trực tuyến; không phải mọi ứng dụng web đều là mạng xã hội.

Câu 24. Học sinh chỉ nên chia sẻ những gì trên mạng xã hội?

A. Quan điểm, ý kiến cá nhân về 1 vấn đề nào đó.

B. Thông tin cá nhân.

C. Những lời lẽ miệt thị, xúc phạm người khác.

D. Điều bức xúc, khó chịu về người này người kia hay 1 hiện tượng nào đó.

Đáp án: A. Giải thích: Có thể chia sẻ quan điểm cá nhân với lời lẽ văn minh, tôn trọng pháp luật và quyền riêng tư. Không nên công khai dữ liệu cá nhân nhạy cảm, miệt thị người khác hay đăng nội dung xúc phạm khi bức xúc.

Lưu ý: Nêu quan điểm cũng cần kiểm chứng thông tin, không phát tán nội dung sai sự thật.

Câu 25: CPU là gì

A. Trung tâm điều khiển máy tính **B.** Bộ xử lý trung tâm của máy tính

C. Bộ điều khiển máy tính **D.** Hệ điều hành

Đáp án: B. Giải thích: CPU là viết tắt của Central Processing Unit, nghĩa là bộ xử lí trung tâm. CPU thực hiện lệnh và điều khiển quá trình xử lí của máy tính; "hệ điều hành" là phần mềm, không phải CPU.

Câu 26: CPU làm nhiệm vụ gì

A. Là thiết bị thực hiện các chương trình tính toán

B. Là thiết bị chính thực hiện và điều khiển việc thực hiện các chương trình

C. Là thân máy tính, chứa các thiết bị phần cứng bên trong nó

D. Là toàn bộ máy tính

Đáp án: B. Giải thích: CPU là bộ phận chính thực thi các lệnh chương trình và điều phối các hoạt động xử lí. A chỉ nói tới tính toán nên chưa đầy đủ; C mô tả thân máy; D là toàn bộ hệ thống.

Câu 27: Cho biểu thức logic A AND B và A OR B. Với A=0 và B=0, giá trị của 2 biểu thức logic lần lượt là:

A. 0; 0 B. 0; 1 C. 1; 0 D. 1; 1

Đáp án: A. Giải thích: Phép AND chỉ cho giá trị 1 khi cả hai toán hạng đều bằng 1, nên 0 AND 0 = 0. Phép OR bằng 1 khi có ít nhất một toán hạng bằng 1, nên 0 OR 0 = 0. Hai kết quả lần lượt là 0 và 0.

Câu 28: Bảng mạch chính có vai trò gì? Chọn đáp án đúng nhất?

A. Để bảo vệ các thiết bị bên trong máy tính B. Để lưu trữ chương trình

C. Chứa khe cắm RAM D. Làm nền tảng giao tiếp giữa CPU, RAM và các linh kiện khác.

Đáp án: D. Giải thích: Bảng mạch chính (mainboard/motherboard) là nơi kết nối CPU, RAM, thiết bị lưu trữ, khe mở rộng và các thành phần khác giúp chúng trao đổi tín hiệu. Chỉ nêu "chứa khe RAM" là chưa đủ.

Câu 29: Khi dùng điện thoại thông minh chụp ảnh, các file ảnh này có chuyển đến một điện thoại thông minh khác được không?

A. Chuyển được khi điện thoại mất kết nối. B. Không chuyển được.

C. Chuyển được khi điện thoại có kết nối. D. Chuyển được mọi lúc.

Đáp án: C. Giải thích: Ảnh có thể chuyển sang điện thoại khác khi thiết lập được một kênh kết nối thích hợp: Bluetooth, Wi-Fi Direct, AirDrop/Nearby Share, cáp hoặc Internet. Vì thế C phù hợp nhất với ý đề.

Lưu ý: Không nhất thiết phải có Internet: kết nối Bluetooth/Wi-Fi trực tiếp vẫn có thể chuyển tệp ngoại tuyến. Cụm "mất kết nối" trong A không xác định rõ loại kết nối.

Câu 30: Thiết bị nào sau đây là thiết bị thông minh? (1) Đồng hồ vạn lịch niên (2) Điện thoại di động (3) Camera kết nối Internet (4) Máy ảnh số

A. (1) (2) B. (3) (4) C. (1) (4) D. (2) (3)

Đáp án: D. Giải thích: Điện thoại di động thông minh (2) và camera có khả năng kết nối Internet (3) là ví dụ điển hình về thiết bị thông minh. Đồng hồ vạn niên thông thường (1) và máy ảnh số thông thường (4) không mặc nhiên là thiết bị thông minh.

Câu 31: Đâu không phải là thiết bị thông minh?

A. Đồng hồ vạn niên. B. Máy tính bảng.

C. Đồng hồ kết nối với điện thoại thông qua bluetooth. D. Máy tính xách tay.

Đáp án: A. Giải thích: Đồng hồ vạn niên chỉ hiển thị thời gian, ngày tháng theo chức năng cố định, không có các khả năng thông minh điển hình. Máy tính bảng, đồng hồ kết nối điện thoại và máy tính xách tay có khả năng xử lí, kết nối phong phú.

Câu 32. Hệ điều hành Windows được phát triển bởi công ty nào?

A. Apple B. Microsoft C. Google D. IBM

Đáp án: B. Giải thích: Windows là hệ điều hành do Microsoft phát triển, không phải Apple, Google hay IBM.

Câu 33. Hệ điều hành là gì trong một hệ thống máy tính?

A. Bộ vi xử lý B. Phần mềm điều khiển phần cứng

C. Ứng dụng D. Thiết bị ngoại vi

Đáp án: B. Giải thích: Hệ điều hành là phần mềm hệ thống quản lí và điều khiển tài nguyên phần cứng, đồng thời cung cấp dịch vụ cho ứng dụng và giao diện cho người dùng. B nêu đặc điểm quan trọng nhất trong các lựa chọn.

Câu 34. Để thực hiện các chức năng của một ứng dụng, hệ điều hành cung cấp cho nó các tài nguyên như:

A. Bộ nhớ, xử lý, thiết bị ngoại vi **B.** Giao diện người dùng, ổ cứng, trình duyệt web

C. Trình biên dịch, công cụ phân tích, bộ nhớ tạm

D. Bộ vi xử lý, phần mềm điều khiển phần cứng, hệ thống file

Đáp án: A. Giải thích: Để ứng dụng hoạt động, hệ điều hành phân phối CPU (thời gian xử lí), bộ nhớ RAM và quyền sử dụng các thiết bị ngoại vi. Trình duyệt hay trình biên dịch không phải nhóm tài nguyên cốt lõi như A.

Câu 35. Phần cứng, hệ điều hành và phần mềm ứng dụng đóng vai trò quan trọng trong một hệ thống máy tính. Mối quan hệ giữa chúng có thể được mô tả như thế nào?

A. Phần cứng là nền tảng vật lý, hệ điều hành là lớp trung gian và phần mềm ứng dụng là các chương trình chạy trên đó.

B. Phần cứng là giao diện người dùng, hệ điều hành là nền tảng và phần mềm ứng dụng là các chương trình chạy trên đó.

C. Phần cứng và phần mềm ứng dụng là các thành phần của hệ điều hành.

D. Phần cứng, hệ điều hành và phần mềm ứng dụng là các thành phần riêng biệt không liên quan đến nhau.

Đáp án: A. Giải thích: Phần cứng là các thiết bị vật lí; hệ điều hành quản lí phần cứng và cung cấp môi trường chạy; phần mềm ứng dụng dùng các dịch vụ của hệ điều hành để thực hiện công việc cho người dùng.

Câu 36. Phần mềm khai thác trực tuyến chỉ sử dụng được trên môi trường nào?

A. Máy tính cá nhân. **B.** Máy tính laptop.

C. Môi trường Web. **D.** Điện thoại di động.

Đáp án: C. Giải thích: Phần mềm khai thác trực tuyến được truy cập và sử dụng qua môi trường web/dịch vụ mạng, có thể từ máy bàn, laptop, máy tính bảng hoặc điện thoại. Các loại thiết bị ở A, B, D không phải điều kiện duy nhất.

Câu 37. Phần mềm thương mại thường là loại phần mềm nào?

A. Phần mềm nguồn đóng. **B.** Phần mềm nguồn mở.

C. Phần mềm miễn phí. **D.** Phần mềm khai thác trực tuyến.

Đáp án: A. Giải thích: Phần mềm thương mại thường do doanh nghiệp cung cấp và nhiều sản phẩm thuộc loại nguồn đóng. Tuy nhiên "thương mại" nói về mục đích/điều kiện kinh doanh, không đồng nghĩa tuyệt đối với "nguồn đóng".

Lưu ý: Một số phần mềm nguồn mở vẫn được bán hoặc có dịch vụ thương mại; vì vậy đây là nhận xét mang tính "thường gặp", không phải quy tắc không ngoại lệ.

Câu 38. Phần mềm khai thác trực tuyến có phí có tính năng nào?

A. Không bị hạn chế tính năng. **B.** Bị hạn chế một số tính năng.

C. Tự do sử dụng. **D.** Không có tính năng nào.

Đáp án: A. Giải thích: Theo ý đồ đề, trả phí mở khóa các chức năng nâng cao so với gói miễn phí, nên chọn **A.** Ví dụ một dịch vụ có gói Basic miễn phí và gói Premium nhiều tính năng hơn.

Lưu ý: Không phải mọi gói trả phí đều không bị hạn chế tính năng; quyền sử dụng thực tế còn tùy gói thuê bao, hạn mức và giấy phép.

Câu 39. Phần mềm miễn phí thường được sử dụng cho mục đích nào?

A. Học tập. **B.** Kinh doanh. **C.** Thương mại. **D.** Ngân hàng.

Đáp án: A. Giải thích: Phần mềm miễn phí hỗ trợ học tập thuận tiện do không bắt buộc trả tiền bản quyền để bắt đầu sử dụng. Ví dụ: phần mềm học lập trình, trình đọc PDF và nhiều công cụ giáo dục.

Lưu ý: Phần mềm miễn phí còn có thể dùng cho kinh doanh, thương mại hoặc ngân hàng nếu điều khoản cho phép. Vì vậy A chỉ là lựa chọn phù hợp nhất theo ngữ cảnh giáo dục, không phải mục đích duy nhất.

Câu 40. Google Slides là công cụ nào?

A. Trình chiếu. **B.** Soạn thảo văn bản. **C.** Đồ họa. **D.** Bảng tính.

Đáp án: A. Giải thích: Google Slides là phần mềm trực tuyến để tạo các slide trình chiếu. Google Docs là trình soạn thảo văn bản, còn Google Sheets là bảng tính.

Câu 41. Lưu trữ trực tuyến là gì?

A. Lưu trữ dữ liệu trên một thiết bị lưu trữ ngoại vi **B.** Lưu trữ dữ liệu trên đám mây

C. Lưu trữ dữ liệu trên ổ đĩa cứng **D.** Lưu trữ dữ liệu trên USB

Đáp án: B. Giải thích: Lưu trữ trực tuyến là việc lưu dữ liệu trên hệ thống máy chủ qua Internet (thường gọi là "đám mây"). Ổ HDD, USB, thiết bị ngoại vi là những cách lưu trữ vật lí cục bộ.

Câu 42. Dịch vụ lưu trữ trực tuyến nào được sử dụng phổ biến nhất?

A. Google Drive **B.** Dropbox **C.** OneDrive **D.** iCloud

Đáp án: A. Giải thích: Google Drive là dịch vụ lưu trữ đám mây rất phổ biến và là đáp án dự kiến của đề. Drive thường gắn với tài khoản Google, có tính năng đồng bộ, lưu trữ và chia sẻ.

Lưu ý: Xếp hạng "phổ biến nhất" thay đổi theo thời điểm, thị trường và chỉ tiêu đo; đề không nêu nguồn số liệu hay năm khảo sát nên không nên coi đây là chân lí cố định.

Câu 43. Lưu trữ trực tuyến có nhược điểm gì?

A. Tốc độ truy cập chậm hơn so với lưu trữ ngoại vi **B.** Dữ liệu dễ bị mất hoặc bị xâm nhập

C. Giá cả đắt đỏ **D.** Không thể lưu trữ tệp có kích thước lớn.

Đáp án: A. Giải thích: Tốc độ mở và tải tệp lưu trực tuyến phụ thuộc vào đường truyền Internet; khi mạng yếu, truy cập có thể chậm hơn ổ cứng/USB gắn trực tiếp. Đây là hạn chế thường gặp nhất trong bốn lựa chọn.

Lưu ý: Không phải lúc nào lưu trữ trực tuyến cũng chậm hơn thiết bị ngoại vi; các đáp án khác cũng không đúng như một quy tắc chung.

Câu 44. Tính năng chia sẻ tệp là gì?

A. Cho phép người dùng lưu trữ tệp trên đám mây

B. Cho phép người dùng gửi tệp đến người khác để xem hoặc chỉnh sửa

C. Cho phép người dùng tải xuống tệp từ đám mây

D. Cho phép người dùng tạo bản sao lưu tệp trong trường hợp tệp gốc bị mất.

Đáp án: B. Giải thích: Chia sẻ tệp cho phép cấp quyền truy cập để người khác xem, nhận xét hoặc chỉnh sửa dữ liệu. A chỉ nói việc lưu tệp; C là tải xuống; D là tạo bản sao lưu.

Câu 45: Để tìm kiếm thông tin trên Internet, em sử dụng:

A. Gmail **B.** Cloud **C.** Google **D.** Python

Đáp án: C. Giải thích: Google là công cụ tìm kiếm thông tin trên Internet (thông qua Google Search). Gmail dùng gửi nhận thư, Python là ngôn ngữ lập trình, "Cloud" không phải tên máy tìm kiếm trong đề.

Câu 46. Hiện nay, máy tìm kiếm google chiếm:

A. 50% lượng người dùng trên thế giới **B.** 68% lượng người dùng trên thế giới

C. 85% lượng người dùng trên thế giới **D.** 92% lượng người dùng trên thế giới

Đáp án: D*. Giải thích: Đáp án được đánh dấu trong tài liệu gốc là 92%, tương ứng lựa chọn **D.** Tuy nhiên đây là con số thống kê có thể thay đổi theo từng thời điểm và còn phụ thuộc cách đo.

Lưu ý: Theo Statcounter, tháng 9/2026 thị phần tìm kiếm toàn cầu của Google khoảng 89,94%, không đúng chính xác với phương án 92%. Vì vậy D nên được ghi "theo đề gốc", không nên giới thiệu là số liệu hiện tại.

Câu 47: Khẳng định nào sau đây là sai khi nói về mạng xã hội?

A. Mạng xã hội là để kết nối các thành viên để trao đổi và chia sẻ thông tin, không phân biệt không gian và thời gian.

B. Các thành viên trong một mạng xã hội có thể trò chuyện trực tiếp, kết nối với nhau.

C. Mạng xã hội là ứng dụng trên internet. **D.** Mạng xã hội chỉ mang lại lợi ích chứ không có tác hại gì.

Đáp án: D. Giải thích: Mạng xã hội có nhiều lợi ích như giao lưu và chia sẻ kiến thức, nhưng cũng có nguy cơ tin giả, lộ thông tin riêng tư, lừa đảo và bắt nạt trực tuyến. Do đó phát biểu "chỉ mang lại lợi ích" là sai.

Câu 48. Đánh dấu một email là "Quan trọng" có ý nghĩa gì?

A. Email đó đã được gửi đi thành công. **B.** Email đó cần được lưu trữ lâu dài.

C. Email đó cần được xử lý ưu tiên. **D.** Email đó là quảng cáo hoặc thư rác

Đáp án: C. Giải thích: Gắn nhãn "Quan trọng" để nhận biết email cần chú ý hoặc ưu tiên xử lí. Điều này không có nghĩa là email đã gửi thành công, phải lưu vĩnh viễn hay là thư rác.

Câu 49: Em mới quen được một bạn trên mạng, bạn đó muốn nhờ em chia sẻ giúp bạn một video bạo lực. Em sẽ làm gì?

A. Chia sẻ giúp bạn. **B.** Không chia sẻ và nói với bạn không nên làm vậy.

C. Không chia sẻ công khai nhưng sẽ gửi cho từng người trong danh sách bạn bè của em.

D. Chỉ chia sẻ trong những nhóm kín.

Đáp án: B. Giải thích: Không chia sẻ video bạo lực dưới bất cứ hình thức công khai hay gửi riêng; đồng thời khuyên người quen dừng lan truyền. Chia sẻ trong nhóm kín vẫn khiến nội dung độc hại tiếp tục phát tán.

Câu 50: Hành động nào sau đây là đúng?

A. Luôn chấp nhận lời mời kết bạn của người lạ.

B. Nói với bố mẹ và thầy cô về việc em bị đe dọa qua mạng.

C. Chia sẻ cho các bạn những video bạo lực.

D. Đăng thông tin không đúng về một người bạn cùng lớp lên mạng xã hội.

Đáp án: B. Giải thích: Khi bị đe dọa trên mạng, học sinh nên lưu bằng chứng, hạn chế tương tác với người đe dọa, chặn/báo cáo tài khoản và tìm sự giúp đỡ của cha mẹ, thầy cô. Các đáp án khác tiềm ẩn nguy cơ hoặc gây hại.

Câu 51: Bạn của em nói cho em biết một số thông tin riêng tư không tốt về một bạn khác cùng lớp. Em nên làm gì?

A. Đăng thông tin đó lên mạng để mọi người đều đọc được.

B. Đăng thông tin đó lên mạng nhưng giới hạn chỉ để bạn bè đọc được.

C. Đi hỏi thêm thông tin, nếu đúng thì sẽ đăng lên mạng cho mọi người biết.

D. Bỏ qua không để ý vì thông tin đó có thể không đúng, nếu đúng thì cũng không nên xâm phạm vào những thông tin riêng tư của bạn.

Đáp án: D. Giải thích: Không lan truyền thông tin riêng tư chưa được kiểm chứng về người khác. Ngay cả khi thông tin là thật, đăng công khai có thể xâm phạm quyền riêng tư và gây tổn thương cho bạn học.

Câu 52: Em thường xuyên nhận được các tin nhắn trên mạng có nội dung như: "mày là một đứa ngu ngốc, béo ú", "mày là một đứa xấu xa, không đáng làm bạn",… từ một người lớn mà em quen. Em nên làm gì?

A. Nói chuyện với thầy cô giáo, bố mẹ về sự việc để xin ý kiến giải quyết.

B. Bỏ qua, chắc họ chỉ trêu thôi.

C. Nhắn tin lại cho người đó các nội dung tương tự.

D. Gặp thẳng người đó hỏi tại sao lại làm thế và yêu cầu dừng ngay.

Đáp án: A. Giải thích: Các tin nhắn xúc phạm lặp lại là biểu hiện bắt nạt qua mạng. Nên lưu ảnh chụp làm bằng chứng, nói với phụ huynh/thầy cô, chặn và báo cáo tài khoản; không đáp trả xúc phạm hoặc tự gặp người lớn đó một mình.

PHẦN II. GIẢI 5 CÂU TỰ LUẬN

Trong đề gốc, phần này được đặt tên "trắc nghiệm đúng/sai"; tuy nhiên các câu đều yêu cầu trả lời bằng lời văn nên được trình bày theo dạng tự luận.

Câu 1. Hệ điều hành có phải là phần mềm duy nhất trong máy tính, máy tính bảng hoặc điện thoại thông minh không? Vì sao?

Trả lời: Không. Hệ điều hành không phải phần mềm duy nhất trên các thiết bị số.

Giải thích: Hệ điều hành (như Windows, Android, iOS, macOS) quản lí bộ nhớ, CPU, tệp và các thiết bị; tạo môi trường để các phần mềm ứng dụng hoạt động. Ngoài hệ điều hành, người dùng còn cài ứng dụng soạn thảo văn bản, trình duyệt, phần mềm học tập, thư điện tử, trò chơi, ứng dụng chụp ảnh,…

Ví dụ: Điện thoại Android có hệ điều hành Android nhưng còn có ứng dụng Google Maps, trình duyệt Chrome, ứng dụng nhắn tin. Máy tính Windows có hệ điều hành Windows nhưng còn có Word, PowerPoint, phần mềm diệt virus.

Kết luận: Hệ điều hành là phần mềm hệ thống rất quan trọng nhưng chỉ là một trong nhiều phần mềm có thể có trên thiết bị.

Câu 2. Lợi ích chính của việc lưu trữ trực tuyến là gì?

Trả lời: Lưu trữ trực tuyến là cách lưu tệp trên máy chủ qua Internet, ví dụ Google Drive, OneDrive, Dropbox, iCloud.

Các lợi ích: (1) Có thể truy cập dữ liệu bằng nhiều thiết bị và tại nhiều nơi có mạng; (2) dễ chia sẻ và phối hợp làm việc nhóm; (3) có thể đồng bộ dữ liệu giữa máy tính và điện thoại; (4) hỗ trợ sao lưu, giảm nguy cơ mất dữ liệu khi một thiết bị bị hỏng; (5) tiết kiệm dung lượng lưu cục bộ trong một số trường hợp.

Ví dụ: Học sinh lưu bài thuyết trình trên Google Drive ở trường, về nhà có thể tiếp tục chỉnh sửa bằng máy tính khác; gửi đường liên kết cho các thành viên cùng làm bài.

Lưu ý: Cần Internet để đồng bộ/tải dữ liệu, kiểm soát quyền chia sẻ, dùng mật khẩu mạnh và xác thực hai bước; không nên coi lưu trữ trực tuyến là bản sao dự phòng duy nhất.

Câu 3. Em thường sử dụng mạng xã hội để làm gì? Kể một tình huống giao tiếp không lịch sự gây hậu quả xấu.

Mục đích sử dụng: Em sử dụng mạng xã hội để trao đổi bài học, nhận thông báo của lớp, liên lạc với bạn bè, tìm hiểu kiến thức và chia sẻ nội dung phù hợp.

Tình huống: Một học sinh đăng bình luận miệt thị ngoại hình của bạn trong nhóm lớp. Nhiều bạn khác chia sẻ và chế giễu, khiến người bị nói tới xấu hổ, căng thẳng, ngại đến trường; tập thể lớp nảy sinh mâu thuẫn.

Cách ứng xử đúng: Không tiếp tục bình luận hoặc chia sẻ nội dung xúc phạm; động viên người bị hại; đề nghị người đăng gỡ nội dung, xin lỗi; lưu bằng chứng nếu cần; thông báo cho giáo viên và gia đình khi sự việc nghiêm trọng.

Bài học: Trước khi đăng bài hay bình luận cần kiểm tra tính đúng đắn, cân nhắc hậu quả và tôn trọng người khác như khi giao tiếp trực tiếp.

Câu 4. Nêu một số dấu hiệu lừa đảo qua mạng và lời khuyên phòng ngừa.

Dấu hiệu: (1) Tin nhắn thông báo trúng thưởng nhưng yêu cầu nộp "phí nhận giải"; (2) người lạ mạo danh công an, ngân hàng, thầy cô để yêu cầu chuyển tiền; (3) đường link lạ yêu cầu đăng nhập hoặc cung cấp mật khẩu/mã OTP; (4) lời mời đầu tư cam kết lãi cao, việc nhẹ lương cao; (5) giục quyết định ngay, đe dọa hoặc yêu cầu giữ bí mật; (6) tài khoản bạn bè bất ngờ nhờ chuyển tiền nhưng không xác minh được.

Phòng ngừa: Không nhấn vào link đáng ngờ, không cài ứng dụng không rõ nguồn gốc; tuyệt đối không cung cấp mật khẩu, mã OTP, thông tin thẻ; kiểm tra tên miền và liên hệ trực tiếp với tổ chức bằng kênh chính thức; bật xác thực hai yếu tố; nhờ cha mẹ, thầy cô hỗ trợ khi nghi ngờ.

Nếu đã lỡ thực hiện: Ngừng tương tác, đổi mật khẩu từ thiết bị an toàn, đăng xuất phiên lạ, liên hệ ngân hàng khi liên quan đến tài khoản/tiền, lưu chứng cứ và báo cho người lớn hoặc cơ quan chức năng.

Câu 5. Nêu một số nguyên tắc về ứng xử trên mạng.

Nguyên tắc 1: Tôn trọng: Dùng lời lẽ lịch sự, không xúc phạm, bắt nạt, kích động thù ghét hay phân biệt đối xử.

Nguyên tắc 2: Trách nhiệm: Cân nhắc trước khi đăng, chia sẻ, bình luận; chịu trách nhiệm về thông tin do mình đưa lên.

Nguyên tắc 3: Trung thực: Kiểm chứng thông tin từ nguồn đáng tin cậy, không tung tin đồn hoặc giả mạo người khác.

Nguyên tắc 4: Bảo vệ quyền riêng tư: Không công khai dữ liệu cá nhân của mình hay hình ảnh/thông tin người khác khi chưa được đồng ý phù hợp.

Nguyên tắc 5: An toàn: Bảo vệ tài khoản bằng mật khẩu mạnh và xác thực hai lớp; thận trọng với tệp và đường link lạ; báo cáo nội dung nguy hiểm.

Nguyên tắc 6: Tuân thủ pháp luật: Tôn trọng quyền tác giả, sử dụng tài nguyên số đúng quy định, không lan truyền nội dung vi phạm pháp luật.

Kết luận: Giao tiếp trên mạng cũng cần văn minh, an toàn và có trách nhiệm như trong đời sống thực.